

Số: /BC-THPTNP

Nậm Pồ, ngày 20 tháng 09 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC

1. Tên cơ sở giáo dục: TRƯỜNG THPT NẬM PỒ, HUYỆN NẬM PỒ

2. Địa chỉ: Bản Phiêng Ngúa, xã Nậm Chua, huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên

- Điện thoại: 02156.286.899

- Địa chỉ thư điện tử: thien3t@gmail.com

- Cổng thông tin điện tử: thptnampo.dienbien.edu.vn

3. Loại hình tổ chức: Trường THPT công lập.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

a) Sứ mạng của trường THPT Nậm Pồ

- Xây dựng môi trường học tập, rèn luyện thân thiện, nền nếp, kỷ cương, chất lượng, nhân văn.

- Đội ngũ vừa hồng vừa chuyên để mỗi cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng, tư duy sáng tạo; tạo cơ hội cho học sinh phát huy hết những năng lực vốn có.

- Hướng tới hoàn thành sứ mệnh “Công dân toàn cầu là sản phẩm của chúng tôi”.

- Phong cách văn hóa giáo dục hiện đại mang đậm bản sắc dân tộc; phong cách giao tiếp và truyền đạt mới mẻ là nền tảng để nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

b) Tầm nhìn của trường THPT Nậm Pồ

Đến năm 2030 trở thành một ngôi trường có chất lượng cao, giáo dục ra những học sinh tốt về đạo đức, giỏi về trí lực, mạnh khỏe về thể chất, có kỹ năng sống tốt, đáp ứng cho việc tiếp tục học lên các lớp trên hoặc đi vào cuộc sống; là nơi học sinh có thể tin tưởng, lựa chọn để học tập và rèn luyện; nơi giáo viên luôn có khát vọng vươn tới xuất sắc, thành đạt và hạnh phúc.

c) Giá trị cốt lõi

- Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

- Hòa nhập, dũng cảm, đam mê, thích ứng.

d) Hệ thống giá trị cơ bản của nhà trường

- Tinh thần, trách nhiệm

- Sáng tạo đổi mới

- Hợp tác, chia sẻ

- Đoàn kết, dân chủ

- Kỷ cương, nền nếp

- Truyền thống, hội nhập.

e) Mục tiêu của trường THPT Nậm Pồ

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình giáo dục hiện

đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

- Trường THPT Nậm Pồ được thành lập theo Quyết định số 635/QĐ-UBND ngày 22/08/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Điện Biên. Từ năm học 2016-2017, trường mới chính thức đi vào hoạt động có 05 lớp 10 với 195 học sinh.

- Hội đồng trường THPT Nậm Pồ được thành lập theo Quyết định số 284/QĐ-SGDĐT ngày 08/12/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo Điện Biên. Quy chế tổ chức và hoạt động hiện nay của Trường được soạn thảo căn cứ vào Luật Giáo dục số 43/2019/QH14.

- Trường hiện nay có 03 khu nhà lớp học với 14 phòng học và 05 phòng học chức năng; 01 dãy nhà hiệu bộ; 03 khu nhà nội trú với 63 phòng ở (35 phòng dãy nhà 3 tầng, nhà cấp 4, 27 phòng khu cách li của BCH quân sự huyện). Trường có diện tích 14.000m², tổng số cán bộ giáo viên, nhân viên là 42 người, có 03 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng.

- Khóa đầu tiên của nhà trường được chiêu sinh vào năm 2016 gồm 05 lớp 10 với 195 học sinh. Đến nay, trường có: 16 lớp, trong đó khối 10: 05 lớp; khối 11: 05 lớp, khối 12: 06 lớp, với tổng số 678 học sinh.

- Năm học 2023-2024 nhà trường được Sở Giáo dục và Đào tạo đánh giá tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và được UBND tỉnh công nhận danh hiệu tập thể Lao động xuất sắc.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

- Họ và tên: Trần Trường Thiện

- Chức vụ: Hiệu trưởng

- Địa chỉ: Bản Phiêng Ngựa, xã Nậm Chua, huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên

- Điện thoại: 0916940268; địa chỉ thư điện tử: thien3t@gmail.com.

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục.

Quyết định số 635/QĐ-UBND ngày 22/08/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Điện Biên về việc thành lập trường THPT Nậm Pồ.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường.

- Quyết định số 3284/QĐ-SGDĐT ngày 08/12/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo Điện Biên về việc công nhận Hội đồng trường các Trường Trung học phổ thông, Trung học cơ sở - Trung học phổ thông, Phổ thông Dân tộc nội trú Trung học phổ thông nhiệm kỳ 2020-2025.

- Quyết định số 15/QĐ-SGDĐT ngày 12/01/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo Điện Biên về việc công nhận chức danh Chủ tịch Hội đồng trường các Trường Trung học phổ thông, Trung học cơ sở - Trung học phổ thông, Phổ thông Dân tộc nội trú Trung học phổ thông nhiệm kỳ 2020-2025.

- Quyết định số 1394/QĐ-SGDĐT ngày 07/12/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Điện Biên về việc kiện toàn Hội đồng trường các Trường Trung học phổ thông, Phổ thông Dân tộc nội trú Trung học phổ thông nhiệm kỳ 2020-2025.

- Danh sách thành viên Hội đồng trường.

TT	Họ và tên	Chức vụ hiện nay	Chức vụ trong Hội đồng	Ghi chú
1	Trần Trường Thiện	Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	Lường Văn Toán	Giáo viên	Thư ký	
3	Đoàn Văn Kiên	Phó Hiệu trưởng	Ủy viên	
4	Thào A Khai	CT UBND xã Nậm Chua	Ủy viên	
5	Vũ Thị Huê	Tổ trưởng	Ủy viên	
6	Đặng Thị Tường Vân	Tổ trưởng	Ủy viên	
7	Ngô Văn Tiến	Tổ trưởng	Ủy viên	
8	Lò Thị Toán	Chủ tịch Công đoàn	Ủy viên	
9	Lù Văn Diên	Bí thư Đoàn trường	Ủy viên	
10	Lường Văn Phú	Trưởng Ban đại diện CMHS	Ủy viên	
11	Nguyễn Khánh Hòa	Học sinh 10A1	Ủy viên	

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục.

- Quyết định bổ nhiệm đồng chí Trần Trường Thiện giữ chức vụ Hiệu trưởng, kèm theo Quyết định số 1363/QĐ-SGDĐT ngày 27/11/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc điều động và bổ nhiệm viên chức.

- Quyết định bổ nhiệm đồng chí Đoàn Văn Kiên giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng, kèm theo Quyết định số 1122/QĐ-SGDĐT ngày 03/10/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc bổ nhiệm viên chức.

- Quyết định bổ nhiệm đồng chí Phạm Tiến Long giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng, kèm theo Quyết định số 260/QĐ-SGDĐT ngày 04/05/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc điều động và bổ nhiệm viên chức.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục

Quyết định số 275/QĐ-THPTNP ngày 01/12/2023 của trường THPT Nậm Pồ về việc Ban hành Quy chế làm việc trường THPT Nậm Pồ.

đ) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục.

- Họ và tên: Trần Trường Thiện

- Chức vụ: Hiệu trưởng

- Địa chỉ: Bản Phiêng Ngúa, xã Nậm Chua, huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên

- Điện thoại: 0916940268; địa chỉ thư điện tử: thien3t@gmail.com.

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục

- **Chiến lược phát triển nhà trường:** Kế hoạch số 115/KH-THPTNP ngày 29/08/2021 của trường THPT Nậm Pồ về Phát triển trường THPT Nậm Pồ, huyện Nậm Pồ (Giai đoạn 2021 - 2025 tầm nhìn đến năm 2030).

- **Quy chế dân chủ của nhà trường:** Quyết định số 180/QĐ-THPTNP ngày 29/9/2023 của trường THPT Nậm Pồ về việc Ban hành quy chế dân chủ năm học 2023-2024. Quy chế được ban hành trên cơ sở Thông tư số 11/2020/TT-BGD&ĐT ngày

19/5/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc Hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập.

- Các nghị quyết của Hội đồng trường trong năm học, gồm:

+ Nghị quyết số 01/NQ-HĐT ngày 26/8/2023 của Hội đồng trường THPT Nậm Pồ về Lần họp thứ 1, năm học 2023-2024 của Hội đồng trường THPT Nậm Pồ.

+ Nghị quyết số 03/NQ-HĐT ngày 16/01/2024 của Hội đồng trường THPT Nậm Pồ về Lần họp thứ 2, năm học 2023-2024 của Hội đồng trường THPT Nậm Pồ.

+ Nghị quyết số 04/NQ-HĐT ngày 29/5/2024 của Hội đồng trường THPT Nậm Pồ về Lần họp thứ 3, năm học 2023-2024 của Hội đồng trường THPT Nậm Pồ.

- Các quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính:

TT	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu nội dung
1	03/QĐ-THPTNP	18/01/2024	Quyết định về việc Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024
2	204/HD-THPTNP	06/9/2024	Hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng năm học 2024-2025
3	92/QĐ-THPTNP	18/9/2024	Quyết định ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của trường THPT Nậm Pồ
4	205/HD-THPTNP	09/09/2023	Hướng dẫn thực hiện Quy chế chuyên môn của Trường THPT Nậm Pồ năm học 2023-2024
5	02/QĐ-THPTNP	15/01/2024	Quyết định ban hành Quy chế quản lý và sử dụng hồ sơ điện tử trong trường THPT Nậm Pồ
6	275/QC-THPTNP	01/12/2023	Quy chế làm việc của Trường THPT Nậm Pồ

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo.

TT	Vị trí việc làm	Số lượng	Trình độ đào tạo			
			TC	CD	ĐH	Ths
1	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý	03	0	0	03	02
	- Hiệu trưởng	01	0	0	01	01
	- Phó Hiệu trưởng	02	0	0	02	01
2	Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành	33	0	0	33	0
	- Toán	05	0	0	05	0
	- Vật lý	02	0	0	02	0
	- Hóa học	02	0	0	02	0
	- Sinh học	03	0	0	03	0
	- Tin học	01	0	0	01	0
	- Ngữ văn	05	0	0	05	0
	- Lịch sử	03	0	0	03	0

TT	Vị trí việc làm	Số lượng	Trình độ đào tạo			
			TC	CD	ĐH	Ths
	- Địa lí	03	0	0	03	0
	- Tiếng anh	02	0	0	02	0
	- GD&ĐT (GD&ĐT&PL)	01	0	0	01	0
	- Công nghệ	01	0	0	01	0
	- GD&ĐT	03	0	0	03	0
	- GD&ĐT-AN	01	0	0	01	0
	- Thiết bị, thí nghiệm	01	0	0	01	0
	- Giáo vụ	0	0	0	0	0
	- Tư vấn học sinh	0	0	0	0	0
	- Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0	0	0	0	0
3	Vị trí việc làm chuyên môn dùng chung	03	0	0	03	0
	- Thư viện	01	0	0	01	0
	- Chuyên viên về quản trị công sở	0	0	0	0	0
	- Kế toán viên	01	0	0	01	0
	- Cán sự thủ quỹ	01	0	0	01	0
	- Văn thư viên trung cấp	0	0	0	0	0
	- Y tế học đường	0	0	0	0	0
IV	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ	06	0	0	0	0
1	Nhân viên Bảo vệ	02	0	0	0	0
2	Nhân viên Phục vụ	01	0	0	0	0
3	Nhân viên nấu ăn	04 (HĐ)	0	0	0	0

Số trên chưa bao gồm 02 giáo viên Hợp đồng và 02 giáo viên biệt phái.

2) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định

TT	Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ
1	Cán bộ quản lí	03	100%
2	Giáo viên	32	100%

3) Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

TT	Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ
1	Cán bộ quản lí	03	100%
2	Giáo viên	32	100%
3	Nhân viên	07	100%

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định.

- Diện tích đất xây dựng trường: 14.000m².

- Diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh: 20,6m².

- Diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh của nhà trường cao hơn so với quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo là: 10,6m².

2) Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định.

TT	Tên	Số lượng	Mục đích sử dụng	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Khối phòng hành chính quản trị	07	Phòng làm việc BGH, kế toán, thủ quỹ, phòng tổ; hội họp	Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	240
2	Phòng học	14	Học lí thuyết	Học sinh	740
3	Phòng Tin học	01	Học thực hành	Học sinh	48
4	Phòng Tiếng anh	01	Học thực hành	Học sinh	48
5	Phòng thực hành Vật lí	01	Học thực hành	Học sinh	83,5
6	Phòng chuẩn bị thực hành Hóa học	01	Chuẩn bị thực hành	Giáo viên	15
7	Phòng thực hành Sinh học	01	Học thực hành	Học sinh	83,5
8	Phòng thư viện	01	Phòng chứa SGK, phòng đọc	Giáo viên, học sinh	25
9	Phòng kho	02	Đề dụng cụ phục vụ hoạt động dạy và học	Giáo viên, học sinh	50
10	Phòng sinh hoạt tổ chuyên môn	02	Sinh hoạt tổ, nhóm	Giáo viên	34
11	Khu nội trú	35	Phòng ở học sinh	Học sinh	695
12	Nhà ăn	02	Tổ chức ăn cơm	Học sinh	85,5
13	Bếp ăn	01	Chế biến thức ăn	Nhân viên	33,5
14	Sân khấu	01	Hoạt động chung	Giáo viên, học sinh	50
15	Nhà công vụ giáo viên	10	Nhà ở giáo viên	Giáo viên, nhân viên	185
16	Nhà PCCC	01	Chứa thiết bị PCCC	Giáo viên	20
17	Nhà vệ sinh, tắm giáo viên	09	Vệ sinh, tắm	Giáo viên, nhân viên	55
18	Nhà vệ sinh nam nội trú	03	Vệ sinh	Học sinh	30
19	Nhà vệ sinh nữ nội trú	03	Vệ sinh	Học sinh	30
20	Nhà tắm nam, nữ	8	Tắm (Hóng)	Học sinh	40

TT	Tên	Số lượng	Mục đích sử dụng	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
21	Nhà để xe giáo viên	01	Để xe	Giáo viên, nhân viên	168
22	Bể nước phòng cháy	01	Chứa nước PCCC	Giáo viên	20m ³
23	Sân chơi, TDTT (cạnh Sân khấu)	01	Hoạt động ngoài trời	Học sinh, giáo viên	630
24	Sân nội trú	01	Hoạt động ngoài trời	Học sinh, giáo viên	1.186
25	Sân bóng đá cỏ tự nhiên	01	Hoạt động ngoài trời	Học sinh, giáo viên	1.380
26	Đường nội bộ	02	Đi nội bộ	Giáo viên, học sinh	80
27	Bể nước nội trú	02	Chứa nước sinh hoạt	Học sinh	40m ³

3) Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

TT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	03	Số bộ/lớp
1	Khối lớp 10	1	0.2 bộ/lớp
2	Khối lớp 11	1	0.2 bộ/lớp
3	Khối lớp 12	1	0.167 bộ/lớp
4	Khu vườn sinh vật, địa lí (diện tích/thiết bị)	0	-

4) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Sách giáo khoa lớp 10:

TT	Tên sách	Tên tác giả
1	Ngữ văn 10, Tập một (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng (Chủ biên), Trần Ngọc Hiếu, Nguyễn Thị Diệu Linh, Đặng Lưu, Hà Văn Minh, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Nguyễn Thị Nương, Đỗ Hải Phong
	Ngữ văn 10, Tập hai (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng (Chủ biên), Trần Ngọc Hiếu, Nguyễn Thị Diệu Linh, Đặng Lưu, Hà Văn Minh, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Nguyễn Thị Nương, Đỗ Hải Phong
	Chuyên đề học tập Ngữ văn 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng (Chủ biên), Trần Ngọc Hiếu, Nguyễn Thị Diệu Linh, Đặng Lưu, Trần Hạnh Mai, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Đỗ Hải Phong, Nguyễn Thị Hồng Vân

2	Toán 10, Tập một (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn, Đặng Hùng Thắng (Đồng Chủ biên), Hạ Vũ Anh, Trần Mạnh Cường, Phan Thị Hà Dương, Nguyễn Đạt Đăng, Phạm Hoàng Hà, Đặng Đình Hanh, Phan Thanh Hồng, Nguyễn Thị Kim Sơn, Dương Anh Tuấn, Nguyễn Chu Gia Vượng
3	Toán 10, Tập hai (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn, Đặng Hùng Thắng (Đồng Chủ biên), Hạ Vũ Anh, Trần Mạnh Cường, Phan Thị Hà Dương, Nguyễn Đạt Đăng, Phạm Hoàng Hà, Đặng Đình Hanh, Phan Thanh Hồng, Nguyễn Thị Kim Sơn, Dương Anh Tuấn, Nguyễn Chu Gia Vượng
4	Chuyên đề học tập Toán 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn (Đồng Chủ biên), Nguyễn Đạt Đăng, Phạm Hoàng Hà, Đặng Đình Hanh, Dương Anh Tuấn, Nguyễn Chu Gia Vượng
5	Tiếng Anh 10 I-Learn Smart world	Võ Đại Phúc (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Quyên, Đặng Đỗ Thiên Thanh, Lê Thị Tuyết Minh, Huỳnh Tuyết Mai, Nguyễn Thụy Uyên Sa
6	Giáo dục thể chất 10: Cầu lông (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Ngô Việt Hoàn (Chủ biên), Nguyễn Hữu Bình, Mai Thị Ngoãn, Trần Văn Vinh
7	Giáo dục thể chất 10: Bóng đá (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (Chủ biên), Nguyễn Thị Hà, Lê Trường Sơn Chấn Hải, Trần Ngọc Minh, Nguyễn Duy Tuyền
8	Giáo dục thể chất 10: Bóng chuyền (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Trịnh Hữu Lộc (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Hùng (Chủ biên), Phạm Thị Lệ Hằng
9	Giáo dục thể chất 10: Bóng rổ (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Trịnh Hữu Lộc (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Hùng (Chủ biên), Phạm Thị Lệ Hằng, Nguyễn Trần Phúc, Đặng Hà Việt
10	Giáo dục quốc phòng an ninh 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nghiêm Viết Hải (Tổng Chủ biên), Đoàn Chí Kiên (Chủ biên), Ngô Gia Bắc, Hoàng Quốc Huy, Mai Đức Kiên, Hoàng Việt Long, Doãn Văn Nghĩa, Vũ Văn Ninh
11	Lịch sử 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt), Phạm Hồng Tung (Tổng Chủ biên cấp THPT kiêm Chủ biên), Nguyễn Nhật Linh, Phạm Văn Lợi, Vũ Văn Quan, Đặng Hồng Sơn, Phạm Văn Thủy, Trần Thị Vinh
	Chuyên đề học tập Lịch sử 10 (Chân trời sáng tạo)	Hà Minh Hồng (Chủ biên), Phạm Thu Hà, Trần Thị Mai, Trần Thuận, Trần Nam Tiến, Nguyễn Thanh Tiến, Trần Thị Thanh Vân, Nguyễn Kim Tường Vy

- Sách giáo khoa lớp 11

12	Giáo dục kinh tế và pháp luật 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Trần Thị Mai Phương (Chủ biên), Nguyễn Hà An, Phạm Thị Kim Dung, Nguyễn Thị Toan
	Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Trần Thị Mai Phương (Chủ biên), Phạm Thị Kim Dung, Nguyễn Thị Toan
13	Địa lí 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huỳnh (Tổng Chủ biên), Lê Huỳnh- Nguyễn Việt Khôi (đồng chủ biên), Nguyễn Đình Cử, Vũ Thị Hằng, Trần Thị Hồng Mai, Nguyễn Phương Thảo
	Chuyên đề học tập Địa lí 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huỳnh (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Đình Cử, Đặng Tiên Dung, Đào Ngọc Hùng
14	Vật lí 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Bùi Gia Thịnh (Chủ biên), Phạm Kim Chung, Tô Giang, Nguyễn Xuân Quang, Nguyễn Văn Thụ
	Chuyên đề học tập Vật lí 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Quang Báu (Chủ biên), Phạm Kim Chung, Đặng Thanh Hải
15	Hoá học 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Kim Long (Tổng Chủ biên), Đặng Xuân Thu (Chủ biên), Nguyễn Thu Hà, Lê Thị Hồng Hải, Nguyễn Văn Hải, Lê Trọng Huyền, Vũ Anh Tuấn
	Chuyên đề học tập Hoá học 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Kim Long (Tổng Chủ biên), Đặng Xuân Thu (Chủ biên), Ngô Tuấn Cường, Nguyễn Văn Hải, Vũ Anh Tuấn
16	Sinh học 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Văn Lập (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Bùi Thị Việt Hà, Đinh Đoàn Long, Nguyễn Thị Quyên, Nguyễn Lai Thành
	Chuyên đề học tập Sinh học 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Văn Lập (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phạm Thị Hương, Dương Minh Lam
17	Tin học 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Thế Long (Tổng Chủ biên), Đào Kiến Quốc (Chủ biên), Bùi Việt Hà, Lê Chí Ngọc, Lê Kim Thư
	Chuyên đề học tập Tin học 10: Khoa học máy tính (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Thế Long (Tổng Chủ biên), Bùi Việt Hà (Chủ biên), Lê Việt Thành, Trương Võ Hữu Thiên
	Chuyên đề học tập Tin học 10: Tin học ứng dụng (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Thế Long (Tổng Chủ biên), Đào Kiến Quốc (Chủ biên), Dương Quỳnh Nga, Đặng Bích Việt
18	Công nghệ 10: Công nghệ trồng trọt (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đồng Huy Giới (Chủ biên), Lê Ngọc Anh, Nguyễn Anh Đức, Bùi Thị Thu Hương, Vũ Văn Liệt, Nguyễn Ích Tân, Bùi Ngọc Tấn

	Chuyên đề học tập Công nghệ 10: Công nghệ trồng trọt (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đồng Huy Giới (Chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Dinh, Bùi Thị Thu Hương, Bùi Ngọc Tấn
	Công nghệ 10: Thiết kế và công nghệ (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Đặng Thị Thu Hà, Nguyễn Hồng Sơn, Phạm Văn Sơn, Võ Thị Như Uyên
19	Chuyên đề học tập Công nghệ 10: Thiết kế và công nghệ (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Quốc Cường (Chủ biên), Phạm Văn Sơn
20	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thanh Bình (Chủ biên), Lê Văn Cầu, Trần Thị Tố Oanh, Trần Thị Thu
21	Âm nhạc 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Phương Hoa (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phạm Xuân Cung, Trần Thị Thu Hà, Nguyễn Đỗ Hiệp, Nguyễn Quang Tùng
	Chuyên đề học tập Âm nhạc 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Phương Hoa (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phạm Xuân Cung, Nguyễn Đỗ Hiệp
22	Mĩ thuật 10: Hội họa (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Xuân Nghị (Tổng Chủ biên), Phạm Duy Anh (Chủ biên), Lê Trần Hậu Anh
	Mĩ thuật 10: Kiến trúc (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Xuân Nghị (Tổng Chủ biên), Phạm Duy Anh (Chủ biên), Vũ Hồng Cương, Trần Ngọc Thanh Trang
	Mĩ thuật 10: Thiết kế mỹ thuật đa phương tiện (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Xuân Nghị (Tổng Chủ biên), Phạm Duy Anh (Chủ biên), Vũ Quốc Khánh
	Mĩ thuật 10: Lí luận và lịch sử mỹ thuật (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Xuân Nghị (Tổng Chủ biên), Phạm Duy Anh (Chủ biên), Đào Thị Thúy Anh, Trịnh Văn Sinh
	Mĩ thuật 10: Đồ họa tranh in (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Xuân Nghị (Tổng Chủ biên), Phạm Duy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị May, Hoàng Minh Phúc
	Mĩ thuật 10: Điêu khắc (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Xuân Nghị (Tổng Chủ biên), Phạm Duy Anh (Chủ biên), Đinh Gia Lê
	Mĩ thuật 10: Thiết kế thời trang (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Xuân Nghị (Tổng Chủ biên), Phạm Duy Anh (Chủ biên), Lê Thị Hà, Lê Nguyễn Kiều Trang
	Mĩ thuật 10: Thiết kế đồ họa (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Xuân Nghị (Tổng Chủ biên), Phạm Duy Anh (Chủ biên), Vương Quốc Chính
	Mĩ thuật 10: Thiết kế công nghiệp (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Xuân Nghị (Tổng Chủ biên), Phạm Duy Anh (Chủ biên), Đỗ Đình Tuyền

	Mĩ thuật 10: Thiết kế mỹ thuật sân khấu, điện ảnh (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Xuân Nghị (Tổng Chủ biên), Phạm Duy Anh (Chủ biên), Nguyễn Hữu Phần, Trần Thanh Việt	
	Chuyên đề học tập Mỹ thuật 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hoàng Minh Phúc (Chủ biên), Nguyễn Thị May	
TT	Tên sách	Tác giả	Nhà xuất bản
1	Ngữ văn 11, Tập 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng (Chủ biên), Trần Ngọc Hiếu, Đặng Lưu, Trần Hạnh Mai, Hà Văn Minh, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Nguyễn Thị Nương, Đỗ Hải Phong, Nguyễn Thị Hồng Vân	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Ngữ văn 11, Tập 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng (Chủ biên), Trần Ngọc Hiếu, Đặng Lưu, Trần Hạnh Mai, Hà Văn Minh, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hồng Vân	
	Chuyên đề học tập Ngữ văn 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng (Chủ biên), Trần Hạnh Mai, Hà Văn Minh, Đỗ Hải Phong, Nguyễn Thị Hồng Vân	
2	Toán 11, Tập 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn, Đặng Hùng Thắng (đồng Chủ biên), Trần Mạnh Cường, Lê Văn Cường, Nguyễn Đạt Đăng, Lê Văn Hiện, Phan Thanh Hồng, Trần Đình Kế, Phạm Anh Minh, Nguyễn Thị Kim Sơn	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Toán 11, Tập 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn, Đặng Hùng Thắng (đồng Chủ biên), Trần Mạnh Cường, Lê Văn Cường, Nguyễn Đạt Đăng, Lê Văn Hiện, Phan Thanh Hồng, Trần Đình Kế, Phạm Anh Minh, Nguyễn Thị Kim Sơn	
	Chuyên đề học tập Toán 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn (đồng Chủ biên), Lê Văn Cường, Phạm Anh Minh	
3	Tiếng Anh 11 I-Learn Smart world	Võ Hoàng Phúc (Tổng Chủ biên), Huỳnh Tuyết Mai (Chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Quyên, Đặng Đỗ Thiên Thanh, Lê Thị Tuyết Minh, Nguyễn Dương Hoài Thương	Nhà xuất bản Đại học Huế
4	Giáo dục thể chất - Bóng chuyền 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Trịnh Hữu Lộc (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Hùng (Chủ biên), Phạm Thị Lệ Hằng	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Giáo dục thể chất - Bóng rổ 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Trịnh Hữu Lộc (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Hùng (Chủ biên), Phạm Thị Lệ Hằng, Nguyễn Trần Phúc	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

TT	Tên sách	Tác giả	Nhà xuất bản
5	Giáo dục thể chất - Bóng đá 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (Chủ biên), Nguyễn Thị Hà, Lê Trường Sơn Chấn Hải, Trần Ngọc Minh, Nguyễn Duy Tuyền	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Giáo dục thể chất - Cầu lông 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (Chủ biên), Nguyễn Hữu Bính, Mai Thị Ngoãn, Trần Văn Vinh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Giáo dục kinh tế và pháp luật 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Minh Đoan, Trần Thị Mai Phương (đồng Chủ biên), Nguyễn Hà An, Nguyễn Thị Hôi, Nguyễn Thị Thu Trà	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Minh Đoan, Trần Thị Mai Phương (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Hôi	
7	Lịch sử 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Minh Giang (Tổng chủ biên xuyên suốt), Phạm Hồng Tung (Tổng Chủ biên cấp THPT), Trần Thị Vinh (Chủ biên), Hoàng Hải Hà, Đào Tuấn Thành, Nguyễn Thị Thu Thủy	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Lịch sử 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt), Phạm Hồng Tung (Tổng Chủ biên cấp THPT), Trần Thị Vinh (Chủ biên), Hoàng Hải Hà, Phan Ngọc Huyền	
8	Địa Lí 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huỳnh (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Vũ Hà (Chủ Biên), Trần Thị Thanh Hà, Nguyễn Tú Linh, Phạm Thị Thu Phương, phạm Thị Ngọc Quỳnh, Phi Công Việt.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề Địa Lí 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huỳnh (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Vũ Hà (Chủ Biên), Nguyễn Tú Linh, Phạm Thị Ngọc Quỳnh.	
9	Vật lí 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Biên (Chủ biên), Phạm Kim Chung, Nguyễn Chính Cương, Tô Giang, Đặng Thanh Hải, Vũ Thúy Hằng, Bùi Gia Thịnh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Vật lí 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Đặng Thanh Hải (Chủ biên), Tường Duy Hải, Bùi Trung Ninh, Phạm Văn Vĩnh	
10	Hóa học 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Kim Long (Tổng Chủ biên), Đặng Xuân Thư (Chủ biên), Nguyễn Đăng Đạt, Lê Thị Hồng Hải, Nguyễn Văn Hải, Đường Khánh Linh, Trần Thị Như Mai	Công ty cổ phần đầu tư xuất bản – Thiết bị Giáo dục Việt Nam (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)
	Chuyên đề học tập Hóa học 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Kim Long (Tổng Chủ biên), Đặng Xuân Thư (Chủ biên), Nguyễn Hữu Chung, Nguyễn Đăng Đạt, Nguyễn Văn Hải, Đường Khánh Linh, Trần Thị Như Mai	

TT	Tên sách	Tác giả	Nhà xuất bản
11	Sinh học 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Văn Lập (Tổng Chủ biên), Lê Đình Tuấn (Chủ biên), Trần Thị Thanh Huyền, Vũ Thị Thu, Tô Thanh Thuý, Lê Thị Thuý	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Sinh học 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Văn Lập (Tổng Chủ biên), Lê Đình Tuấn (Chủ biên), Phan Thị Thu Hiền, Trần Thị Thanh Huyền, Đặng Bảo Ngọc, Lê Thị Thuý	
12	Tin học 11, Định hướng Khoa học máy tính (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Thế Long (Tổng Chủ biên), Bùi Việt Hà, Đào Kiến Quốc (đồng Chủ biên), Nguyễn Hoàng Hà, Nguyễn Nam Hải, Nguyễn Thị Hiền, Dương Quỳnh Nga, Trương Võ Hữu Thiên, Lê Hữu Tôn, Phạm Thị Bích Vân, Đặng Bích Việt	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Tin học 11, Định hướng Khoa học máy tính. (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Thế Long (Tổng Chủ biên), Bùi Việt Hà (Chủ biên), Nguyễn Hoàng Hà, Nguyễn Thị Hiền, Trương Võ Hữu Thiên, Lê Hữu Tôn, Phạm Thị Bích Vân	
13	Công nghệ 11, Công nghệ cơ khí (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Thái Thế Hùng (Chủ biên), Hồ Hữu Hải, Khổng Vũ Quảng, Trương Hoàn Sơn, Nguyễn Hồng Sơn	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Công nghệ 11, Công nghệ cơ khí (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Thái Thế Hùng (Chủ biên), Phùng Xuân Lan, Trương Đức Phúc	
14	Công nghệ 11, Công nghệ chăn nuôi (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đồng Huy Giới (Chủ biên), Nguyễn Xuân Bả, Cao Bá Cường, Phạm Kim Đăng, Bùi Hữu Đoàn, Nguyễn Bá Hiên, Trần Thị Bình Nguyên, Đỗ Thị Phụng	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Công nghệ 11, Công nghệ chăn nuôi (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đồng Huy Giới (Chủ biên), Nguyễn Xuân Bả, Cao Bá Cường, Bùi Hữu Đoàn, Trần Thị Bình Nguyên	
15	Âm nhạc 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Phương Hoa (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phạm Xuân Cung, Trần Thị Thu Hà, Nguyễn Đỗ Hiệp, Nguyễn Quang Tùng	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Âm nhạc 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Phương Hoa (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Trần Thị Thu Hà, Phạm Hoàng Trung, Nguyễn Quang Tùng	

TT	Tên sách	Tác giả	Nhà xuất bản
16	Mĩ thuật 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)		Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Lý luận và Lịch sử Mĩ thuật	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trịnh Sinh (đồng Chủ biên), Đào Thị Thúy Anh	
	Hội họa	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trịnh Sinh (đồng Chủ biên), Lê Trần Hậu Anh, Nguyễn Thùy Linh	
	Đồ họa (Tranh in)	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trịnh Sinh (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị May, Hoàng Minh Phúc	
	Thiết kế thời trang	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trịnh Sinh (đồng Chủ biên), Lê Thị Hà, Lê Nguyễn Kiều Trang	
	Chuyên đề học tập Mĩ thuật 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Hoàng Minh Phúc (Chủ biên), Đào Thị Hà, Nguyễn Thị May	
17	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thanh Bình (Chủ biên), Lê Văn Cầu, Dương Thị Thu Hà, Trần Thị Tố Oanh, Trần Thị Cẩm Tú	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
18	Âm nhạc 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Phương Hoa (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phạm Xuân Cung, Trần Thị Thu Hà, Nguyễn Đỗ Hiệp, Nguyễn Quang Tùng	Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Âm nhạc 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Phương Hoa (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Trần Thị Thu Hà, Phạm Hoàng Trung, Nguyễn Quang Tùng	

- Sách giáo khoa lớp 12

TT	Tên sách	Tác giả	Tổ chức, cá nhân
1	Ngữ văn 12, Tập 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng (Chủ biên), Nguyễn Thị Diệu Linh, Đặng Lưu, Trần Hạnh Mai, Hà Văn Minh, Nguyễn Thị Nương, Đỗ Hải Phong, Nguyễn Thị Hồng Vân	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Ngữ văn 12, Tập 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng (Chủ biên), Nguyễn Thị Diệu Linh, Trần Hạnh Mai, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Hà Văn Minh, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hồng Vân	
	Chuyên đề học tập Ngữ văn 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng (Chủ biên), Nguyễn Thị Diệu Linh, Hà Văn Minh, Nguyễn Thị Ngọc Minh	

TT	Tên sách	Tác giả	Tổ chức, cá nhân
2	Toán 12, Tập 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn, Đặng Hùng Thắng (đồng Chủ biên), Lê Văn Cường, Trần Mạnh Cường, Nguyễn Đạt Đăng, Lê Văn Hiện, Phan Thanh Hồng, Trần Đình Kế, Phạm Anh Minh, Nguyễn Thị Kim Sơn	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Toán 12, Tập 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn, Đặng Hùng Thắng (đồng Chủ biên), Lê Văn Cường, Trần Mạnh Cường, Nguyễn Đạt Đăng, Lê Văn Hiện, Phan Thanh Hồng, Trần Đình Kế, Phạm Anh Minh, Nguyễn Thị Kim Sơn	
	Chuyên đề học tập Toán 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Đặng Pìùng Thắng (đồng Chủ biên), Nguyễn Đạt Đăng, Nguyễn Thị Kim Sơn	
3	Tiếng Anh 12 I-Learn Smart world	Võ Hoàng Phúc (Tổng Chủ biên), Nguyễn Dương Hoài Thương (chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Quyên, Lê Huỳnh Phương Dung	Nhà xuất bản Đại học Huế
4	Giáo dục thể chất 12 - Bóng chuyền (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Trịnh Hữu Lộc (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Hùng (Chủ biên), Phạm Thị Lệ Hằng	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Giáo dục thể chất 12- Bóng rổ (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Trịnh Hữu Lộc (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Hùng (Chủ biên), Phạm Thị Lệ Hằng, Nguyễn Trần Phúc, Lê Việt Đức	
	Giáo dục thể chất 12 - Bóng đá (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (Chủ biên), Lê Trường Sơn Chấn Hải, Trần Ngọc Minh, Nguyễn Duy Tuyền	
	Giáo dục thể chất 12 - Cầu lông (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Trịnh Hữu Lộc (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Hùng (Chủ biên), Phạm Thị Lệ Hằng, Nguyễn Đỗ Minh Sơn, Trần Minh Tuấn	
5	Giáo dục kinh tế và pháp luật 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Minh Đoan, Trần Thị Mai Phương (đồng chủ biên), Nguyễn Hà An, Ngô Thái Hà, Nguyễn Thị Hôi, Nguyễn Thị Thu Hà	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị giáo dục Việt Nam (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Huế)
6	Lịch sử 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt), Trần Thị Vinh (Chủ biên), Trương Thị Bích Hạnh, Nguyễn Thị Mai Hoa, Phan Ngọc Huyền, Hoàng Thị Hồng Nga, Phạm Hồng Tung	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

TT	Tên sách	Tác giả	Tổ chức, cá nhân
	Chuyên đề học tập Lịch sử 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Minh Giang (Tổng chủ biên xuyên suốt), Trần Thị Vinh (Chủ biên), Phan Ngọc Huyền, Trần Thiện Thanh, Nguyễn Thị Mai Hoa	
7	Địa lí 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huỳnh (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Sơn (Chủ biên), Nguyễn Đình Cử, Đào Ngọc Hùng, Lê Văn Hương, Nguyễn Tú Linh, Đỗ Thị Mùi, Lương Thị Thành Vinh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Địa lí 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huỳnh (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Sơn (Chủ biên), Đào Ngọc Hùng, Lê Văn Hương	
8	Vật lí 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Biên (Chủ biên), Trần Ngọc Chắt, Phạm Kim Chung, Đặng Khanh Hải, Tưởng Duy Hải, Bùi Gia Thịnh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Vật lí 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Đặng Thanh Hải (Chủ biên), Nguyễn Chính Cường, Tưởng Duy Hải, Phạm Văn Vĩnh	
9	Hóa học 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Kim Long (Tổng Chủ biên), Đặng Xuân Thư (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Chi, Ngô Tuấn Cường, Nguyễn Văn Hải, Lê Trọng Huyền, Nguyễn Thanh Hưng, Đường Khánh Linh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Hóa học 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Kim Long (Tổng Chủ biên), Đặng Xuân Thư (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Chi, Ngô Tuấn Cường, Nguyễn Đăng Đạt, Nguyễn Văn Hải, Nguyễn Thanh Hưng, Đường Khánh Linh	
10	Sinh học 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Văn Lập (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Đào Thị Minh Châu, Trần Văn Kiên, Nguyễn Thị Hồng Liên, Đào Anh Phúc, Đỗ Thị Phúc	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Sinh học 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Văn Lập (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Đào Thị Minh Châu, Nguyễn Thị Hồng Liên, Đinh Đoàn Long	
11	Tin học 12, Định hướng Tin học ứng dụng (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Thế Long (Tổng Chủ biên), Bùi Việt Hà, Đào Kiến Quốc (đồng Chủ biên), Nguyễn Nam Hải, Dương Quỳnh Nga, Lê Kim Thư, Đặng Bích Việt	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Tin học 12, Định hướng Tin học ứng dụng (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Thế Long (Đồng Chủ biên), Đào Kiến Quốc (Chủ biên), Ngô Văn Thứ, Đặng Bích Việt	
12	Âm nhạc 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Phương Hoa (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Tống Đức Cường, Trần Thị Thu Hà, Nguyễn Đỗ Hiệp, Nguyễn Quang Tùng	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

TT	Tên sách	Tác giả	Tổ chức, cá nhân
	Chuyên đề học tập Âm nhạc 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Phương Hoa (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Tổng Đức Cường	
13	Mĩ thuật 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)		
	Lý luận và Lịch sử MT	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trịnh Sinh (đồng Chủ biên), Đoàn Thị Mỹ Hương	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Hội họa	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trịnh Sinh (đồng Chủ biên), Lê Trần Hậu Anh, Nguyễn Thúy Linh	
	Đồ họa (Tranh in)	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trịnh Sinh (đồng Chủ biên), Trần Văn Đức, Nguyễn Thị May, Hoàng Minh Phúc	
	Điều khắc	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trịnh Sinh (đồng Chủ biên), Quách Hiền Hòa	
	Thiết kế công nghiệp	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trịnh Sinh (đồng Chủ biên), Đỗ Đông Hưng, Đỗ Đình Tuyền	
	Thiết kế đồ họa	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trịnh Sinh (đồng Chủ biên), Vương Quốc Chính	
	Thiết kế thời trang	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trịnh Sinh (đồng Chủ biên), Lê Thị Hà, Lê Nguyễn Kiều Trang	
	Thiết kế mĩ thuật sân khấu, điện ảnh	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trịnh Sinh (đồng Chủ biên), Nguyễn Hữu Phần, Trần Thanh Việt	
	Thiết kế mĩ thuật đa phương tiện	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trịnh Sinh (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Minh Thúy	
	Kiến trúc	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trịnh Sinh (đồng Chủ biên), Vũ Hồng Cương, Trần Ngọc Thanh Trang	
	Chuyên đề học tập Mĩ thuật 12	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Hoàng Minh Phúc (Chủ biên), Đào Thị Hà, Nguyễn Thị May	
14	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lưu Thu Thủy (Tổng chủ biên), Nguyễn Thanh Bình (Chủ biên), Lê Văn cầu, Đỗ Thị Thanh Hương, Trần Thị Tố Oanh, Trần Thị Cẩm Tú	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
15	Giáo dục quốc phòng và an ninh 12	Nghiêm Viết Hải (Tổng Chủ biên), Đoàn Chí Kiên (Chủ biên), Hoàng Quốc Huy, Mai Đức Kiên, Doãn Văn Nghĩa.	Giáo dục Việt Nam

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá.

- Kết quả tự đánh giá:

TT	TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3	Kết quả (Đạt)
I	Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	Đạt

TT	TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3	Kết quả (Đạt)
1	Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	Mức 1,2,3
2	Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các Hội đồng khác	Mức 1,2
3	Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng Sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong Nhà trường	Mức 1,2,3
4	Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ Chuyên môn và tổ Văn phòng	Mức 1,2,3
5	Tiêu chí 1.5: Lớp học	Mức 1,2,3
6	Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	Mức 1,2,3
7	Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	Mức 1,2
8	Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	Mức 1,2
9	Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	Mức 1,2
10	Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	Mức 1,2
II	Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh	Đạt
1	Tiêu chí 2.1: Đối với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng	Mức 1,2,3
2	Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	Mức 1,2,3
3	Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	Mức 1,2,3
4	Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh	Mức 1,2,3
III	Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	Đạt
1	Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập	Mức 1,2,3
2	Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng bộ môn và khối phục vụ học tập	Mức 1,2,3
3	Tiêu chí 3.3: Kí hiệu hành chính - quản trị	Mức 1,2,3
4	Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	Mức 1,2
5	Tiêu chí 3.5: Thiết bị	Mức 1,2,3
6	Tiêu chí 3.6: Thư viện	Mức 1,2
IV	Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	Đạt
1	Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh	Mức 1,2,3
2	Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của Nhà trường	Mức 1,2,3
V	Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục	Đạt
1	Tiêu chí 5.1: Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông	Mức 1,2,3
2	Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện	Mức 1,2,3
3	Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định	Mức 1,2
4	Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp	Mức 1,2
5	Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh	Mức 1,2,3
6	Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục	Mức 1,2

- Kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá

Nhà trường đã lập kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá gồm những nội dung chính như sau:

1. Xây dựng kế hoạch cải tiến: Phân công các nhóm chuyên trách các tiêu chuẩn xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá, trong đó xác định rõ các hoạt động, nguồn lực cần thiết, và thời gian hoàn thành.

2. Thực hiện và Giám sát: Triển khai các hành động cải tiến theo kế hoạch đã đề ra đồng thời theo dõi và đánh giá tiến độ thực hiện kế hoạch định kỳ để đảm bảo rằng các kế hoạch đề ra đang được tiến hành đúng hướng.

3. Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch cải tiến: Lập báo cáo chi tiết về tiến độ và kết quả của các hành động cải tiến.

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

1. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian: Nhà trường chưa được kiểm định chất lượng và đánh giá đạt chuẩn quốc gia.

2. Kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

(1) Kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài

- Năm 2024: Xem xét và xây dựng kế hoạch cải tiến

+ Xem xét chi tiết các điểm mạnh và yếu: Thu thập và phân tích dữ liệu từ đánh giá ngoài.

+ Xây dựng kế hoạch cải tiến: Thiết lập các mục tiêu dài hạn và ngắn hạn, xác định các hành động cần thực hiện.

+ Phân bổ nguồn lực: Xác định và phân bổ nguồn lực cần thiết (nhân lực, tài chính, cơ sở vật chất)

- Năm 2025: Triển khai các hành động cải tiến: Triển khai và giám sát các hành động cải tiến

(2) Kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài đối với cấp cơ sở giáo dục:

- Các kế hoạch cải tiến chất lượng đang triển khai thực hiện trong năm học, 2023-2024: Kế hoạch cải tiến chất lượng sau khi đánh giá chương trình đào tạo theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; văn bản số 5932/BGDĐTQLCL ngày 28/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông (Theo kế hoạch số 38/KH-THPTNP ngày 01/3/2023 của trường THPT Nậm Pồ về cải tiến chất lượng giáo dục năm học 2022-2023).

- Các kế hoạch cải tiến chất lượng đang triển khai thực hiện trong năm học 2023-2024: Kế hoạch cải tiến chất lượng sau khi đánh giá chương trình đào tạo theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; văn bản số 5932/BGDĐTQLCL ngày 28/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông (Theo kế hoạch số 241/KH-THPTNP ngày 15/9/2023 của trường THPT Nậm Pồ về cải tiến chất lượng giáo dục năm học 2023-2024).

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học 2023-2024

a) Kết quả tuyển sinh, số lớp, số học sinh

- Kết quả tuyển sinh: 252 học sinh
- Tổng số học sinh theo từng khối

TT	Khối lớp	Số lớp	Số học sinh	HS/ lớp
1	Khối 10	6	224	44,8
2	Khối 11	6	213	42,6
3	Khối 12	4	163	40,75
Tổng cộng:		16	649	42,4

- Số lượng học sinh học 02 buổi/ngày: 649
- Số lượng học sinh nam/học sinh nữ: 435/376
- Số học sinh là người dân tộc thiểu số: 648
- Số học sinh khuyết tật: 04
- Số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường: 01.

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp.

- Xếp loại hạnh kiểm

Khối	Tổng số lớp	Tổng số HS	Kết quả rèn luyện (theo TT22, TT58, TT26)/Hạnh kiểm							
			Tốt/Tốt		Khá/Khá		Đạt/ Trung bình		Chưa đạt/Yếu	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
10	6	234	183	78,2	33	14,1	13	5,56	5	2,14
11	6	251	202	80,5	35	13,9	9	3,59	5	1,99
12	4	164	145	88,4	14	8,54	5	3,05	0	0

- Xếp loại học lực

Khối	Tổng số lớp	Tổng số HS	Kết quả học tập (theo TT22, TT58, TT26)/Học lực									
			Tốt/Giỏi		Khá/Khá		Đạt/ Trung bình		Chưa đạt/Yếu		Kém	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
10	6	234	5	2,14	96	41	116	49,6	17	7,26	0	0
11	6	251	9	3,59	127	50,6	105	41,8	10	3,98	0	0
12	4	164	14	8,54	78	47,6	71	43,3	1	2,38	0	0

- Học sinh được lên lớp thẳng: 451 học sinh (Khối 10,11)
- Học sinh đủ điều kiện thi tốt nghiệp: 163 học sinh
- Học sinh lưu ban: 02 học sinh
- Học sinh thi lại: 25 học sinh.

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông; số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp trung học phổ thông.

- Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình: 164 học sinh.
- Số lượng học sinh được cấp bằng tốt nghiệp: 163 học sinh.
- Số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp trung học phổ thông: 19

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo

TT	Chỉ số thống kê	Năm 2023 (Năm trước liền kề năm báo cáo)
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG	7.198.158.735
I	Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư	6.598.669.735
II	Thu giáo dục và đào tạo	599.489.000
1	Học phí, lệ phí từ người học	14.105.000
2	Hợp đồng, tài trợ từ ngân sách nhà nước	
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	
4	Thu khác	585.384.000
III	Thu khoa học và công nghệ	
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	
3	Thu khác - hoạt động chuyển giao công nghệ	
IV	Thu khác (thu nhập ròng)	
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG	10.915.885.019
I	Chi lương, thu nhập	5.276.838.747
1	Chi lương, thu nhập của giáo viên	5.276.838.747
2	Chi lương, thu nhập cho cán bộ khác	
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	1.921.319.988
1	Chi cho đào tạo	
2	Chi cho nghiên cứu	
3	Chi cho phát triển đội ngũ	
4	Chi phí chung và chi khác	1.921.319.988
III	Chi hỗ trợ người học	4.317.215.284
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập	4.290.672.284
2	Chi hoạt động nghiên cứu	
3	Chi hoạt động khác	26.543.000
IV	Chi khác	
C	CHÊNH LỆCH THU CHI	

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển.

TT	Chỉ số thống kê	Học phí/1 HS/năm năm học 2023-2024	Dự kiến Học phí/1HS của cả khóa học
----	-----------------	------------------------------------	-------------------------------------

I	Học phí học sinh THPT vùng cao		
1	Học sinh hộ nghèo, khuyết tật	-	-
2	Học sinh cận nghèo khu vực I	157.500 đồng/năm	472.500 đồng/khóa
3	Học sinh dân tộc thôn bản ĐBKK	40.500 đồng/năm	121.500 đồng/khóa
4	Học sinh vùng 1	315.000 đồng/năm	945.000 đồng/khóa
II	Tiền gửi xe đạp, xe máy		
1	Xe đạp		
2	Xe máy		
III	Tiền vệ sinh, nước uống		
1	Tiền nước uống	60.000 đồng/năm	
2	Tiền vệ sinh	60.000 đồng/năm	
IV	Tiền dạy thêm, học thêm		
1	Tiền bồi dưỡng kiến thức	3.500 đồng/tiết	
2	Tiền ôn thi TN	3.500 đồng/tiết	
3	Tiền ôn thi ĐHCĐ	5.000 đồng/tiết	

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí, học bổng đối với người học

a) Chính sách và kết quả thực hiện chính sách về trợ cấp theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP

Trường THPT Nậm Pồ là trường công lập, nên theo quy định, trường hoàn thiện hồ sơ và trình Sở Giáo dục và Đào tạo phê duyệt danh sách học sinh thuộc diện chính sách hưởng trợ cấp và học sinh sẽ nhận trợ cấp tại trường. Trong năm học 2023-2024, nhà trường được Sở Giáo dục và Đào tạo phê duyệt cho:

- Hỗ trợ tiền ăn cho 569 học sinh: 3.536.640.000 đồng
- Hỗ trợ tiền nhà ở cho 17 học sinh: 27.540.000 đồng
- Hỗ trợ tiền gạo cho 569 học sinh: 777.600.000 đồng

b) Chính sách và kết quả thực hiện chính sách về miễn giảm học phí, học bổng đối với người học

- Kỳ I, năm học 2023-2024 nhà trường có 675 học sinh được hỗ trợ chi phí học tập, trong đó:

- + Học bổng cho học sinh khuyết tật 07 em: 40.320.000 đồng
- + Học sinh được hỗ trợ chi phí học tập 675 em: 403.425.000 đồng
- + Học sinh được miễn học phí 408 em.
- + Học sinh được giảm 50% học phí: 0 em.
- + Học sinh được giảm 70% học phí: 240 em.

- Kỳ II, năm học 2023-2024 nhà trường có 655 học sinh được hỗ trợ chi phí học tập, trong đó:

- + Học bổng cho học sinh khuyết tật 07 em: 50.400.000 đồng
- + Học sinh được hỗ trợ chi phí học tập 655 em: 481.500.000 đồng

- + Học sinh được miễn học phí: 362 em.
- + Học sinh được giảm 50% học phí: 0 em.
- + Học sinh được giảm 70% học phí: 275 em.

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có): Nhà trường không trích lập quỹ.

5. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở

Hàng năm, Trường thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính: Thực hiện báo cáo nghiêm túc với Cơ quan quản lý thuế; chấp hành các loại thuế đối với nhà nước như thuế giá trị gia tăng; thuế thu nhập cá nhân ...

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Trong năm học 2023-2024, nhà trường thực hiện tốt các nhiệm vụ và đạt các thành tích

- Thực hiện tốt các phong trào thi đua của trường và của ngành
- Có 03 giáo viên đi thi và đạt danh hiệu GVDG cấp tỉnh;
- Đạt 24 giải thi chọn HSG cấp tỉnh (trong đó có 2 giải Nhì, 03 giải Ba và 20 giải KK, đặc biệt nhà trường có 01 học sinh được chọn vào đội tuyển HSG cấp quốc gia, chính học sinh này đã đạt giải Ba cấp quốc gia môn Địa lí;
- Tỷ lệ tốt nghiệp TN THPT đạt 100% đứng đầu khối thi đua các trường THPT vùng khó, trong thi TN THPT để xét ĐH, CĐ có nhiều học sinh có điểm thi ĐH từ 25 điểm trở lên thậm chí có những học sinh đạt điểm xuất sắc đỗ vào các trường ĐH lớn của cả nước như ĐH Sư phạm Hà Nội, Đại học Thái Nguyên, ĐH Tây Bắc...
- Đạt 02 giải Nhì tại HKPD tỉnh Điện Biên năm 2024; Đạt 01 giải Nhì cuộc thi KHKT dành cho học sinh phổ thông năm 2024.
- 100% cán bộ, giáo viên và học sinh toàn trường thực hiện tốt đề án số 06, 100% học sinh nộp các khoản và được thanh toán qua tài khoản ngân hàng.

Trên đây là báo cáo thường niên công khai các hoạt động của Trường THPT Nậm Pồ năm học 2023-2024./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT (Phòng KTQLCL-CNTT);
- Lãnh đạo nhà trường;
- Cán bộ, giáo viên, nhân viên, HS toàn trường;
- Đăng Website;
- Lưu: VT, email.

HIỆU TRƯỞNG

Trần Trường Thiện